TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **05/2019/KDTM-PT**
Ngày 25/01/2019
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Bà Ngô Tuyết Băng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại, thụ lý số 77/2018/TLPT- KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận H -Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐXX-PT ngày 04/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-HPT ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần T

Địa chỉ: Số 102 phố Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa-Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông K - Nghề nghiệp: Tự do (Theo Giấy ủy quyền số 01B/2015/UQ ngày 02/01/2015). (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Q.

Địa chỉ: Số 28, ngõ 66, phố W, Phường W, Quận H-Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần B - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Tiến Đạt, sinh năm 1972 và ông Hà Xuân Z, sinh năm 1972 (Theo Giấy uỷ quyền số 01/2019/UQ ngày 24/01/2019 của Tổng Giám đốc Công ty). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2015 và các lời khai tại Tòa án Nguyên đơn Công ty cổ phần T trình bày:

Ngày 10/02/2010, Công ty cổ phần T (Gọi tắt là Công ty T) và Công ty Tư vấn đầu tư và xây dựng Q (Gọi tắt là Công ty Q) đã ký Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐ-XD về việc Công ty T thi công cọc đất gia cố xi măng phương pháp trộn khô dự án mở rộng đường M - Cái Cui, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Nội dung cơ bản của Hợp đồng như sau: Đường kính cọc 600 mm, khối lượng tạm tính 100.000 m dài, chiều dài cọc theo thiết kế. Hàm lượng xi măng theo thiết kế và hao hụt không quá 10%. Đơn giá tạm tính 100.000 đồng/m dài. (Không bao gồm giá trị xi măng, chi phí bồn chứa và bảo quản xi măng do Bên A Công ty Q cấp), đã bao gồm 10% VAT. Thành tiền là 10.000.000.000 đồng. Đơn giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để Bên B (Công ty T) thi công hoàn chỉnh khối lượng công việc theo yêu cầu và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Chất lượng bên B thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ thiết kế do bên A cung cấp. Công trình được thi công dưới sự giám sát kỹ thuật của bên A. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 120 ngày. Thời gian thi công bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng.

- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng theo 02 đợt như sau:

Đợt 1: Là 5% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

Đợt 2: Là 15% giá trị hợp đồng ngay sau khi bên B đã tập kết đầy đủ nhân lực, máy móc, thiết bị, vật tư tại công Z.

- Thanh toán: Định kỳ ngày 30 hàng tháng hai bên tiến hành xác nhận khối lượng đã hoàn thành, bên A thanh toán cho bên B 80% giá trị sau khi đã trừ giá trị tạm ứng. Mỗi đợt thanh toán bên B phải cung cấp cho bên A các giấy tờ sau: Biên bản nghiệm thu khối lượng, công việc hoàn thành, bảng xác định giá trị khối lượng và hóa đơn tài chính theo quy định hiện hành.

- Quyết toán: Sau khi bên B hoàn thành công việc thi công, hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao và xác lập giá trị quyết toán. Bên B cung cấp các giấy tờ theo quy định thanh toán cho bên A, bên A thanh toán 100% giá trị quyết

toán không quá 15 ngày. Nếu bên A không thanh toán đúng theo ti ến độ mà không phải do lỗi của bên B thì bị phạt với m ức lãi suất của Ngân hàng cho giá trị và số ngày chậm thanh toán nhưng không quá 30 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Công ty T đã thực hiện đúng thời gian và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định. Thực tế, Công ty T thực hiện tổng giá trị theo bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng ngày 06/8/2011 là: 94.714,0 m dài x 100.000 đồng/1m dài = 9.471.400.000 đồng. Công ty Q đã thanh toán cho Công ty T cụ thể như sau:

- Ngày 6/8/2011: 5.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/4/2012: 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 23/07/2012: 500.000.000 đồng.
- Ngày 04/02/2013: 1.500.000.000 đồng.
- Ngày 28/5/2013: 500.000.000 đồng.
- Ngày 22/01/2014: 200.000.000 đồng.
- Ngày 22/09/2014: 100.000.000 đồng.
- Ngày 28/10/2014: 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2014: 100.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 9.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm Công ty T khởi kiện ra Tòa án thì Công ty Q còn nợ Công ty T số tiền 471.400.000 đồng.

Nay Công ty T đề nghị Tòa án nhân dân quận H căn cứ các Điều 4, Điều 6 Hợp đồng số 01/HĐ-XD ngày 10/02/2010 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005, buộc Công ty Q thanh toán cho Công ty T sau:

- Số tiền nợ gốc chưa thanh toán: 471.400.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán đến khi Tòa án xét xử (Tạm tính từ ngày 21/8/2011 đến hết ngày 05/02/2015 là: 1.195.487.980 đồng).

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 107.313.600 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi + tiền phạt Công ty Q phải thanh toán cho Công ty T tạm tính đến ngày 05/02/2015 là: 1.774.201.580 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Công ty Q đã trả đủ 471.400.000 đồng cho Công ty T vào các thời điểm như sau:

- Ngày 16/7/2015 trả 70.000.000 đồng.
- Ngày 04/01/2016 trả 200.000.000 đồng.
- Ngày 20/9/2016 trả 100.000.000 đồng.

- Ngày 19/9/2017 trả 101.400.000 đồng.

Tại bản tự khai (Công văn số 115/CV ngày 03/7/2015) và tại các văn bản tố tụng khác, Bị đơn - Công ty Q trình bày:

Công ty Q xác nhận đã ký Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐ-XD với Công ty T về việc "Thi công cọc đất gia cố xi măng phương pháp trộn khô dự án mở rộng đường M - Cái Cui, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ" và thanh toán tiền theo như Nguyên đơn trình bày ở trên là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty Q đã thông báo với Công ty T về nguồn vốn của Chủ đầu tư để thanh toán chưa có nên Công ty Q đã yêu cầu Công ty T tạm ngưng thi công cho đến khi Chủ đầu tư có nguồn vốn (Công văn số 26/CV ngày 27/02/2012 của Công ty Q gửi Công ty T). Tuy nhiên, Công ty T vẫn đề nghị tiếp tục thi công nên Công ty Q đã phải vay vốn ngân hàng với lãi suất cao để đảm bảo cung cấp vật liệu đầy đủ cho Công ty T thi công. Ngoài ra, Công ty T đã chuyển hết máy móc thiết bị ra khỏi phạm vi công Z mà không có bất kỳ kế hoạch nào để hoàn thành nốt công việc còn tồn đọng, Công ty Q đã yêu cầu công ty T nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về thi công cọc đại trà, nếu công ty T không cam kết rõ ràng và có kế hoạch triển khai thi công bổ sung phần việc phải làm thì Công ty Q sẽ không đảm bảo thanh toán đầy đủ.

Mặt khác, căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/02/2015 giữa Công ty Q và Công ty T được Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty T ký xác nhận đến ngày 31/12/2014 như sau:

Giá trị quyết toán Công ty T đã thực hiện khối lượng công việc tổng trị giá là 9.471.400.000 đồng. Số tiền này Công ty Q đã thanh toán cho Công ty T từ năm 2010 đến 30/12/2014 là 9.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty Q còn nợ Công ty T đến ngày 31/12/2014 là: 471.400.000 đồng. Công ty Q không chấp nhận số tiền lãi Công ty T yêu cầu vì Công ty Q đã có công văn yêu cầu Công ty T dừng thi công (do Chủ đầu tư không bố trí được vốn) nhưng Công ty T vẫn tiếp tục thi công. Công ty Q vẫn chấp nhận thanh toán cho Công ty T 95% giá trị quyết toán trong khi Công ty Q vẫn phải đi vay ngân hàng với lãi suất cao để cho Công ty T thi công.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Q đã trả đủ cho Công ty T số tiền 471.400.000 đồng vào các thời điểm như sau:

+ Ngày 16/7/2015 trả: 70.000.000 đồng;

+ Ngày 04/01/2016 trả: 200.000.000 đồng;

+ Ngày 20/9/2016 trả: 100.000.000 đồng;

+ Ngày 19/9/2017 trả: 101.400.000 đồng.

Nay Công ty Q không chấp nhận thanh toán khoản tiền phạt và tiền chậm thanh toán như yêu cầu của Công ty T.

Quá trình giải quyết vụ án, cả Nguyên đơn và Bị đơn đều cung cấp cho Tòa án Biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 05/02/2015. Theo biên bản đối chiếu công nợ này, thì tính đến ngày 31/12/2014 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn tổng số tiền: 471.400.000 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại số 03/2018/KDTM-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H-Thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; Điểm d khoản 1 Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ; Điều 53 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Khoản 3 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án 2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.

2. Buộc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền lãi do chậm thanh toán là: 123.543.200 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm nên ngày 09/5/2018 Công ty T đã kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/KDTM- ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H - Thành phố Hà Nội với các nội dung sau:

- Đình chỉ yêu cầu thanh toán tiền gốc của Nguyên đơn với Bị đơn;

- Buộc Bị đơn phải thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn;

- Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm;

- Tính lại tiền án phí và tuyên quyền thỏa thuận thi hành án, lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn vẫn giữ Nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án kinh kinh doanh thương mại sơ thẩm và bác yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà đã nhận xét và đề nghị:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Hợp đồng thi công xây dựng ký kết giữa các bên là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đây là Hợp đồng kinh tế liên quan đến lĩnh vực thi công xây dựng nên cần phải áp dụng Luật Xây dựng. Phần nhận định của Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 42 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng để giải quyết vụ án và tính lãi đối với khoản tiền Công ty Q chậm thanh toán cho Công ty T tổng số: 46.197.200 đồng + 33.516.900 đồng + 25.678.500 đồng + 18.150.600 đồng = 123.543.200 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 306 Luật Thương mại mà không căn cứ Luật Xây dựng là không đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử lại phần quyết định của bản án là bỏ Điều 306 Luật Thương mại và bổ sung Luật Xây dựng và Điều 18 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng cho phù hợp với quy định của pháp luật và sửa phần án phí.

Đối với yêu cầu tại đơn khởi kiện về khoản nợ gốc chưa thanh toán 471.400.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn đã thanh toán xong khoản nợ trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn rút yêu cầu đòi nợ 471.400.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét giải quyết và bác yêu cầu là không đúng nên sửa lại theo hướng đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

+ Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Công ty cổ phần T với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Q phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐ-XD ngày 10/02/2010 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng là đúng quy định pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Q có trụ sở tại: Số 28, ngõ 66, phố W, Phường W, Quận H-Thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân Quận H-Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Xét nội dung kháng cáo của Công ty T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 10/02/2010, Công ty T và Công ty Q đã ký Hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐ-XD về "Thi công cọc đất gia cố xi măng phương pháp trộn khô" dự án mở rộng đường M - Cái Cui, quận Cái Răng-Thành phố Cần Thơ. Các nội dung chính của Hợp đồng đã được hai bên thực hiện đầy đủ. Sau khi Hợp đồng được thực hiện, Công ty T và Công ty Q, đã thống nhất các nội dung sau:

- Biên bản xác nhận khối lượng thực tế hoàn thành số 03/BBXNKL ngày 04/01/2011.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 08/4/2011.

- Biên bản nghiệm thu tổng khối lượng công việc hoàn thành ngày 06/8/2011.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng ngày 06/8/2011.

- Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán ngày 06/8/2011.

Hai bên đã cùng nhau xác định giá trị quyết toán của Hợp đồng là 9.471.400.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty Q đã thanh toán trả Công ty T 9.000.000.000đồng.

Ngày 05/02/2015, Công ty T và Công ty Q lập Biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, tính đến ngày 31/12/2014 Công ty Q còn nợ Công ty T 471.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn xác nhận Bị đơn đã thanh toán đủ cho Nguyên đơn số tiền 471.400.000 đồng và xin rút yêu cầu khởi kiện này nên theo quy định tại Điều 217 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Toà án phải đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Nguyên đơn. Nhưng toà án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà xử bác yêu cầu đồng thời tính án phí là không đúng nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Quá trình thực hiện dự án, Công ty T chưa bao giờ yêu cầu Công ty Q phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán, cũng như các văn bản đối chiếu công nợ giữa hai bên đều không đề cập đến số tiền lãi do chậm thanh toán nên cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2015 trên số tiền 471.400.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của Nguyên đơn.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên nên chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyên đơn và sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3].Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và điểm b khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật Xây dựng;

Áp dụng Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn và sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân quận H- Thành phố Hà Nội như sau:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Q về số tiền gốc: 471.400.000 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền lãi do chậm thanh toán là: 123.543.200 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn xin thi hành án, nếu bên phải thanh toán chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty cổ phần T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả 32.613.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai số 09937 ngày 09/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận H-Thành phố Hà Nội.

+ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.177.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty cổ phần T 2.000.000 đồng tiền dự phí kháng cáo (đã nộp) theo Biên lai thu tiền số 7324 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận H-Thành phố Hà Nội).

4. Z hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:
- VKSND T/p Hà Nội;
- Chi Cục THADS Q. H, T/p Hà Nội;
- TAND Q. H, T/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.